TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Ý YÊN** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2017/HNGĐ - ST
Ngày 31/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chỉ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiển.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Tảo, ông Nguyễn Ngọc Kha.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 31/8/2017, tại trụ sở TAND huyện Y tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2017/TLST - HNGĐ ngày 11/7/2017 về việc " Không công nhận là vợ chồng, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2017/QĐST - HNGĐ ngày 16/8/2017 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H- Sinh năm 1982.

Bị đơn: Anh Trần Ngọc S – Sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, chị H có mặt, anh S xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong Đơn khởi kiện và tại Bản tự khai, chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Trần Ngọc S đến sống chung như vợ chồng từ ngày 9/12/2000, chị và anh S sống chung với nhau nhưng không làm thủ tục đăng kí kết hôn tại UBND xã L, Y, tỉnh Nam Định. Trong suốt thời gian chung sống chị và anh S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn chị cảm thấy không thể chung sống với anh S được nữa nên chị đã chấm dứt quan hệ tình cảm với anh S kể từ ngày 08/01/2010 đến nay. Nay chị xác định giữa chị và anh S không còn tình cảm với nhau, đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng cho anh chị. Chị và anh S có 02 con chung là Trần Thị Hồng N, sinh ngày 25/02/2002; Trần Ngọc T, sinh ngày 12/01/2008. Chị xin nuôi cả hai con

chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/7/2017, anh Trần Ngọc S trình bày về thời gian giữa anh và chị H chung sống với nhau như vợ chồng phù hợp với lời khai của chị H. Anh xác nhận trong quá trình chung sống với chị H, giữa anh và chị H chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn với nhau do lúc đó nhận thức của anh chị về pháp luật còn hạn chế. Theo anh, trong suốt thời gian chung sống anh chị hay xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cãi nhau, không hạnh phúc. Nay chị H đề nghị Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng, anh đồng ý .Anh S xác nhận anh chị có 02 con chung phù hợp với lời khai của chị H. Anh S đồng ý để chị H nuôi cả hai con chung, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Về tài sản chung và các vấn đề khác giữa anh và chị H, anh không yêu cầu giải quyết.

Tại Biên bản hòa giải lập ngày 28/7/2017, chị H và anh Sn đã thống nhất với nhau các nội dung: Chị H và anh S thống nhất xác nhận chị H và anh S sống chung với nhau như vợ chồng từ 9/12/2000 nhưng không làm thủ tục đăng kí kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Chị H, anh S cùng đề nghị Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng. Về con chung: Chị H, anh S có 02 con chung là Trần Thị Hồng N, sinh ngày 25/02/2002 và Trần Ngọc T, sinh ngày 12/01/2008. Anh chị thống nhất chị H là người nuôi cả hai con chung, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 16/8/2017 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 228 BLTTDS.

Kiểm sát viên phát biểu ý kến đánh giá quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thụ lý , tến hành thu thập chứng cứ và thực hiện các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành tốt quy định của pháp luật.

Tại Đơn khởi kiện và Bản tự khai lưu trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị H và anh Trần Ngọc S đều đã khai nhận ngày 9/12/2000, chị H và anh S đến sống chung với nhau như vợ chồng, anh chị không làm thủ tục đăng kí kết kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Trong quá trình sống chung như vợ chồng với nhau anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc, anh chị đã không sống chung với nhau kể từ ngày 08/01/2010. Chị H đề nghị Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng anh S cũng đồng ý . Vì vậy, đề nghị áp dụng Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết

35/2000/NQ – QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội để chấp nhận đề nghị không công nhận là vợ chồng của chị H và anh S.

Về con chung: Căn cứ vào các Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, Đơn đề nghị của các con chung, Biên bản hòa giải giữa chị H và anh S ngày 28/7/2017 nên giao 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Về tài sản chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị H, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Trần Thị H và anh Trần Ngọc S sống chung với nhau như vợ chồng từ ngày 9/12/2000. Anh chị cũng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ giữa anh chị không được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống với nhau anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không hạnh phúc. Anh chị đã chấm dứt quan hệ tình cảm từ ngày 08/01/2010 cho đến nay. Chị H đề nghị Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng, anh S cũng đồng ý . Cả chị H, anh S không ai muốn níu kéo hạnh phúc. Vì vậy, giải quyết việc không công nhận là vợ chồng cho anh chị theo yêu cầu của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/NQ – QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

Anh chị có có 02 con chung là Trần Thị Hồng N, sinh ngày 25/02/2002; Trần Ngọc T, sinh ngày 12/01/2008. Chị H xin nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung, anh S đồng ý .Các con chung cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Do vậy, HĐXX chấp nhận nguyện vọng của chị H,anh S giao cả hai con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Các vấn đề khác có liên quan trong mối quan hệ của anh chị: Chị H, anh S không yêu cầu giải quyết.

Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 14, Điều 15; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/NQ - QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điều 147 BLTTDS; Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không công nhận chị Trần Thị H và anh Trần Ngọc S là vợ chồng.

2. Giao 02 con chung là Trần Thị Hồng N, sinh ngày 25/02/2002; Trần Ngọc T, sinh ngày 12/01/2008 cho chị H nuôi dưỡng. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được ngăn cản quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Chị H phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, đối từ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BB/2012/08307 ngày 11/7/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Y, chị H đã nộp đủ.

Chị H được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh S được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Văn Hiển

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện Y: 02 bản;
- Chi côc T.H.A huyện Y: 01 bản;
- UBND xã L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.